

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST
Ngày 20-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Ngô Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng – Thư ký Tòa án nhân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 426/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở chính: Số 25 L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh H - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lưu Khang A, chị Trần Thị Minh H và anh Phạm Quốc H - Chuyên viên Phòng Xử lý nợ miền Bắc - Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng N, địa chỉ: Số 2 Lô 28 P, phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng (Theo Giấy ủy quyền số 2294/2024/UQ-BĐH.N ngày 03 tháng 4 năm 2024), có mặt;

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C; cùng địa chỉ: Đ, P, D, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn B và bà Hoàng Thị Bích T, cùng địa chỉ: Đ, P, D, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022, bản tự khai, các lời khai tại Tòa án nhân dân quận D, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng N, trình bày:

1. Về khoản vay: Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C có vay tiền của Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 009/12/HĐTDNH-105.53 ngày 05/7/2012 với tổng số tiền là 415.000.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu đồng), cụ thể như sau: Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay trong hạn: Kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 19,1%/năm, áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

2. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay, gồm 02 tài sản bảo đảm:

- Tài sản đảm bảo 1: Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C và Ngân hàng N đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 009/12/HĐTC-BDS/105-53 ngày 06/7/2012, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng diện tích đất 94m² và tài sản gắn liền với thửa đất số 683b, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Đ 2, phường P, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 579305, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Q00171 Q1 do UBND quận D cấp ngày 10/12/2009 cho ông Trần Văn N và bà Phạm Thị C.

- Tài sản đảm bảo 2: Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C, ông Bùi Văn B, bà Hoàng Thị Bích T và Ngân hàng N đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 009A/12/HĐTC-BDS/105-53 ngày 05/7/2012, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng diện tích đất 139m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 318b, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã P, huyện K (nay là Tổ dân phố Đ, phường P, quận D), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH131731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00539/KT-01-Q2 do UBND huyện K cấp ngày 19/6/2006 cho ông Bùi Văn B.

3. Quá trình thực hiện hợp đồng:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn N và bà Phạm Thị C vi phạm thời hạn thanh toán, khoản vay chuyển quá hạn từ ngày 06/7/2013.

Theo đề nghị của ông Trần Văn N về việc nộp tiền giải chấp tài sản bảo đảm 1 nêu trên, sau khi được Ngân hàng N xem xét phê duyệt, ngày 28/8/2020 ông Trần Văn N đã thực hiện nộp tiền và Ngân hàng N đã hạch toán thu nợ số tiền 600.000.000 đồng (thu toàn bộ số tiền nợ gốc là 415.000.000 đồng và thu

một phần số tiền nợ lãi là 185.000.000 đồng) và thực hiện giải chấp tài sản bảo đảm chính chủ của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị C. Tính đến ngày 08/10/2022, Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền 677.512.634đ (sáu trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm mười hai nghìn, sáu trăm ba mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc 0 đồng, nợ lãi 677.512.634 đồng theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 009/12/HDTDNH-105.53 ngày 05/7/2012 và Khế ước nhận nợ ngày 06/7/2012.

4. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ngân hàng N khởi kiện ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C, đề nghị Tòa án buộc ông Nhất và bà Còi phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/10/2022 là 677.512.634đ (sáu trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm mười hai nghìn, sáu trăm ba mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc 0 đồng, nợ lãi 676.846.639 đồng và phí phạt chậm trả lãi 665.995 đồng theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 009/12/HDTDNH-105.53 ngày 05/7/2012 và Khế ước nhận nợ ngày 06/7/2012.

Nếu ông Trần Văn N và bà Phạm Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm 2 như đã nêu trên để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng N. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Văn N và bà Phạm Thị C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng N.

Bị đơn là ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B và bà Hoàng Thị Bích T có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời không đề nghị áp dụng thời hiệu đối với việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Văn N và bà Phạm Thị C trả phí phạt chậm trả lãi và cung cấp số dư nợ theo Hợp đồng tín dụng, tính đến hết ngày 29/11/2024, ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C đã trả Ngân hàng N được tổng số tiền 680.777.935 đồng, còn nợ tổng số tiền 677.512.634 đồng, trong đó nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn 676.846.639 đồng và phí phạt chậm trả lãi 665.995 đồng. Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C còn phải trả Ngân hàng N tổng số tiền: **676.846.639** đồng.

Về án phí dân sự: Yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử: Việc phân

công Thẩm phán, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự trong vụ án, việc yêu cầu, tiếp nhận, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 299, 303, 322, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/11/2024 là 676.846.639 đồng, trong đó nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn 676.846.639, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đề nghị phát mại tài sản để thu hồi nợ của Ngân hàng N và nếu tài sản phát mại không đủ để thanh toán toàn bộ dư nợ của ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C tại Ngân hàng N thì ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng N đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của mình tại Ngân hàng N, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về yêu cầu khởi kiện, quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N khởi kiện ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải thanh toán khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán. Mục đích vay tiền của ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C theo Hợp đồng tín dụng là “bổ sung vốn kinh doanh” và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Văn N là hộ kinh doanh cá thể và có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C là bị đơn, có chỗ ở hiện nay tại Cụm 1, Tổ dân phố Đ, phường P, quận D, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu giải quyết vụ việc: Trong quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn là ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B và bà Hoàng Thị Bích T đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Báu, bà Thủy đều không đề nghị áp dụng thời hiệu trong việc giải quyết vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do. Ông Bùi Văn B và bà Hoàng Thị Bích T vắng mặt và có ý kiến xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[4] Căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên: Trên cơ sở lời khai của đương sự và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 05/7/2012, Ngân hàng N và Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C tự nguyện ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 009/12/HĐTDNH-105.53, là loại hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn được ký kết trên cơ sở có sự thống nhất, thỏa thuận cụ thể của các bên được thể hiện đầy đủ trong nội dung của hợp đồng và khế ước nhận nợ ngày 06/7/2012. Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng các chủ thể tham gia giao kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hình thức, nội dung hợp đồng quy định tại các điều 398, 401, 463, 470 của Bộ luật Dân sự nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ và buộc các bên phải thực hiện. Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 351, Điều 357 và Điều 466 Bộ luật Dân sự: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về dư nợ của Hợp đồng tín dụng:

Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C vay tiền của Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 009/12/HĐTDNH-105.53 ngày 05/7/2012 và Khế ước nhận nợ ngày 06/7/2012 với tổng số tiền gốc là 415.000.000 đồng. Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán, khoản nợ chuyển quá hạn từ ngày 06/7/2013. Tính đến hết ngày 29/11/2024, ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C đã trả Ngân hàng N được tổng số tiền 680.777.935 đồng, còn nợ tổng số tiền 677.512.634 đồng, trong đó nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn 676.846.639 đồng và phí phạt chậm trả lãi 665.995 đồng. Ngân hàng N khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải thanh toán số tiền nợ lãi trên dư nợ gốc

quá hạn 676.846.639 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91 và Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với các nội dung mà ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C đã thỏa thuận với Ngân hàng N. Và do đó cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N về việc buộc Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải thanh toán nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng đã được ký kết giữa hai bên.

[6] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 009A/12/HĐTC-BDS/105-53 ngày 05/7/2012 đã được ký kết giữa ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C, ông Bùi Văn B, bà Hoàng Thị Bích T và Ngân hàng N. Nội dung thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện bởi các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các điều 298, 299, 317, 318, 320, 323, 335, 336 của Bộ luật Dân sự về đăng ký biện pháp bảo đảm. Do vậy các các bên đều phải có nghĩa vụ thực hiện. Và đề nghị của Ngân hàng N về việc phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho các khoản vay của ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C tại Ngân hàng N cần phải được chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 13 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 009/12/HĐTDNH-105.53 ký ngày 05/7/2012 giữa ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C, ông Nhất, bà Còi có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 12.000.000 đồng là chi phí tố tụng mà Ngân hàng N đã tạm ứng.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 274, 275, 280, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 357, 398, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 29 tháng 11 năm 2024 là 676.846.639đ (sáu trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng) là tiền nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn.

2. Về xử lý tài sản đảm bảo và bảo lãnh:

Trường hợp Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng diện tích đất 139m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 318b, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã P, huyện K (nay là Tổ dân phố Đ, phường P, quận D), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH131731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00539/KT-01-Q2 do UBND huyện K cấp ngày 19/6/2006 cho ông Bùi Văn B, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 009A/12/HĐTC-BDS/105-53, số công chứng: 185/HĐTC3/VTQ-12, quyền số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05 tháng 7 năm 2012 đã được ký kết giữa Ngân hàng N và ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C, ông Bùi Văn B, bà Hoàng Thị Bích T để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C tại Ngân hàng N.

Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng N thì ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải tiếp tục trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận cho đến khi tất toán các khoản nợ tại Ngân hàng N.

3. Về án phí: Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải chịu 31.073.866 đ (ba mươi một triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006018, ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Về Chi phí tố tụng: Ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng N số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) chi phí thẩm định tài sản.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn là Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là ông Trần Văn N, bà Phạm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B và bà Hoàng Thị Bích T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Về quyền thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND D;
- Chi cục THADS D;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên